**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI,**

**BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**

**CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Kèm theo Quyết định số 1175 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang)*

**\* THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định | Thời hạn giải quyết trong tỉnh | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí*(Nếu có)* | Thành phần hồ sơ | Căn cứ pháp lý |
| Lĩnh vự du lịch | | | | | | | |
| 01 | Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 1.500.000đồng/giấy phép ***(Được áp dụng từ ngày 22/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024).*** | - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành (theo Mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024);  - Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;  - Giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành;  - Bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành;  - Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa. Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. | - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024;  - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20/8/2024. |
| 02 | Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh | 750.000 đồng/giấy phép ***(Được áp dụng từ ngày 22/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024).*** | - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024). |
| 03 | Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh | 1.000.000 đồng/giấy phép (***Được áp dụng từ ngày 22/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024).*** | - Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (theo Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024)  - Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa của doanh nghiệp  - Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| 04 | Thủ tục thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trên cổng Thông tin điện tử của Sở | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sau 30ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trên cổng Thông tin điện tử của Sở | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh | Không quy định. | - Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (theo Mẫu 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024);  - Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp; | - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20/8/2024. |
| 05 | Thủ tục thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trên cổng Thông tin điện tử của Sở | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trên cổng Thông tin điện tử của Sở | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh | Không quy định. | - Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (theo Mẫu 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024);  - Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp;  - Quyết định giải thể, biên bản họp của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp; Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định giải thể của Tòa án trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp. |
| 06 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm | 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra. | 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra. | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh | 100.000 đồng/thẻ ***(Được áp dụng từ ngày 22/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024).*** | - Đơn đề nghị cấp thẻ Hướng dẫn viên du lịch tại điểm (theo Mẫu 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024);  - Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;  ***-*** Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;  -02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm. | - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024;  - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20/8/2024. |
| 07 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh | 325.000 đồng/thẻ  ***(Được áp dụng từ ngày 22/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024).*** | - Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế (theo Mẫu 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024);  - Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;  - Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;  - Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ nghiệp vụ: Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế;  - Giấy tờ chứng minh trình độ về ngoại ngữ;  Bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau:  + Bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên ngành ngôn ngữ hoặc tiếng nước ngoài, ngành phiên dịch tiếng nước ngoài, ngành sư phạm tiếng nước ngoài;  + Bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ hoặc tiếng nước ngoài. Trường hợp văn bằng hoặc phụ lục văn bằng không thể hiện ngôn ngữ đào tạo, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;  + Bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, văn bằng hoặc phụ lục văn bằng không thể hiện ngôn ngữ đào tạo, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;  + Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp gồm: Chứng chỉ ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tương đương từ bậc 4 trở lên theo Khu năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam hoặc tương đương từ bậc B2 trở lên theo Khung tham chiếu chung châu Âu hoặc đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;  - Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. |
| 08 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh | 325.000 đồng/thẻ  ***(Được áp dụng từ ngày 22/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024).*** | - Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (theo Mẫu 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024).  - Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;  - Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa;  - Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;  - 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm; |
| 09 | Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh | 325.000 đồng/thẻ ***(Được áp dụng từ ngày 22/7/2024 đến hết ngày 31/12/224).*** | - Đơn đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch (theo Mẫu 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024);  -Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;  - Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;  - 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm;  - Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp;  - Thẻ hướng dẫn viên du lịch đã được cấp. |
| 10 | Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh | - 325.000 đồng/thẻ  hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa;  - 100.000 đồng/thẻ  hướng dẫn viên du lịch tại điểm;  **Có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024).** | - Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024);  - 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm;  - Bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi trong trường hợp cấp lại thẻ do thay đổi thông tin trên thẻ hướng dẫn viên du lịch; |
| 11 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hậu Giang | 1.000.000 đồng/hồ sơ. | - Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024);  - Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. | - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20/8/2024. |
| 12 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hậu Giang | 1.000.000 đồng/hồ sơ. | - Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024).  - Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch |
| 13 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hậu Giang | 1.000.000 đồng/hồ sơ. | - Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024);  - Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. |
| 14 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh | 1.000.000 đồng/hồ sơ. | - Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024);  - Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. |
| 15 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. | 1.000.000 đồng/hồ sơ. | - Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024);  - Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. |
| 16 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch quốc tế và nội địa | 10 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức | 07 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. | Không quy định. | Đăng ký tham dự khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch (Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024); |